

Số: 72/2021/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 11 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG**

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 32, 33, 34, 35 và 36 Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số 64/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “*Công nhận thuận tình ly hôn*” của người yêu cầu:

- Bà Xa Thị Bích N, sinh năm: 1993.

- Ông Lê Công M, sinh năm: 1989.

Cùng địa chỉ: đường H, tổ 57, phường A, quận L, thành phố Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Công M và bà Xa Thị Bích N kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại đường H, tổ 57, phường A, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Tại phiên hòa giải, ông Lê Công M và bà Xa Thị Bích N đều xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể khắc phục được nên yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành về việc thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung*: bà Xa Thị Bích N và ông Lê Công M không có con chung.

[3] *Về tài sản chung*: Ông Lê Công M và bà Xa Thị Bích N xác định không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ông Lê Công M và bà Xa Thị Bích N xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Xa Thị Bích N tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí

300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008703 ngày 11/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[6] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn lập ngày 05 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do đó căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành về thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông Lê Công M và bà Xa Thị Bích N.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành về việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Công M và bà Xa Thị Bích N thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông Lê Công M và bà Xa Thị Bích N không có con chung.

- *Về tài sản chung:* Ông Lê Công M và bà Xa Thị Bích N xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ông Lê Công M và bà Xa Thị Bích N xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Xa Thị Bích N tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008703 ngày 11/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Xa Thị Bích N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa An;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Hưng